

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Việt Yên, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường huyện Việt Yên năm 2022 (*Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 12 HĐND huyện khóa XX*)

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 12 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XX. UBND huyện Việt Yên báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Việt Yên là huyện trung du nằm ở phía tây tỉnh Bắc Giang, nằm giữa lưu vực sông Cầu và sông Thương, cách trung tâm thành phố Bắc Giang khoảng 10 km. Diện tích tự nhiên toàn huyện là 17.101,3 ha, gồm 17 xã, thị trấn. Huyện Việt Yên có phạm vi ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Tân Yên.
- + Phía Nam giáp thành phố Bắc Ninh và huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh.
- + Phía Đông giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang.
- + Phía Tây giáp huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và huyện Hiệp Hoà.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Việt Yên khá đa dạng, có cả đồi núi và đồng bằng có thể chia thành 3 dạng chính:

- Địa hình đồi núi thấp: Một số xã phía Bắc và phía Nam của huyện có độ cao trung bình từ 6m - 120m; dạng địa hình này được phân bố rải rác ở các xã: Việt Tiến, Thương Lan, Minh Đức, Nghĩa Trung ở phía Bắc và Trung Sơn, Tiên Sơn, Ninh Sơn, Vân Trung ở phía Nam huyện. Đỉnh cao nhất là đỉnh Mỏ Thổ 161m. Những đồi núi thấp này đa phần có độ dốc bình quân 15° (*chỉ khoảng 20% diện tích có độ dốc bình quân dưới 15°*).

- Địa hình bồn địa gò thấp: Dạng địa hình này được phân bố chủ yếu ở các xã phía Bắc huyện và 3 xã Ninh Sơn, Trung Sơn, Tiên Sơn. Độ cao trung bình từ 15 - 25m so với mặt nước biển. Hầu hết diện tích này đều đã được đưa vào sử dụng làm đất ở hoặc đất màu.

- Dạng địa hình vùng đồng bằng có lượn sóng: Dạng địa hình này tập trung ở các xã phía Đông đường quốc lộ 1A (*Quang Châu, Vân Trung, thị trấn Nénh,...*) và một số xã vùng giữa huyện (*Hương Mai, Tự Lạn, Hồng Thái*). Độ cao bình quân so với mặt nước biển từ 2,5 - 5,0m. Độ nghiêng của địa hình theo hướng Bắc xuống Nam và Tây Bắc sang Đông Đông Nam.

1.3. Khí hậu, thủy văn

Khí hậu: Huyện Việt Yên chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa,

với nhiệt độ bình quân qua các năm từ 23 - 24 °C, nhiệt độ lạnh dần từ mùa Thu sang mùa Đông đến mùa Xuân (*từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau*), sau đó nóng vào những tháng mùa hè (*từ tháng 4 đến tháng 8*). Các tháng trong năm có sự thay đổi lớn về nhiệt độ.

Thủy văn: Sông Cầu chảy qua địa phận huyện Việt Yên bao bọc phía Nam huyện. Với chiều dài khoảng 22km, bề rộng trung bình 150 - 200m. Lưu lượng mùa lũ Q_L từ 1.400 - 1.600m³/s. Đây là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư các xã phía Nam huyện và là ranh giới hành chính giữa huyện Việt Yên với huyện Yên Phong, Quê Võ và huyện Bắc Ninh. Sông Cầu cho phép các loại xà lan, canô loại vừa và nhỏ tới các xã Tiên Sơn, Vân Hà, Ninh Sơn, Quang Châu và Vân Trung.

Ngòi Cầu Sim nằm ở phía Bắc huyện, chảy qua các xã Thượng Lan, Việt Tiến, Minh Đức, Tụ Lạn, thị trấn Bích Động, Hồng Thái, Nghĩa Trung,... đổ ra sông Thương. Chiều dài chảy qua địa phận huyện khoảng 19km, độ dốc lớn, sinh thủy chủ yếu về mùa mưa.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Kinh tế

Hiện tại, toàn huyện hiện có 04 KCN: Đình Trám, tỷ lệ lấp đầy: 100%, Quang Châu, tỷ lệ lấp đầy 100%; Vân Trung: tỷ lệ lấp đầy 100%, Việt Hàn: 01 doanh nghiệp đầu tư. Đến năm 2030, toàn huyện có 11 KCN, tăng thêm 07 KCN so với năm 2021; diện tích quy hoạch tăng thêm 1792 ha, nâng tổng diện tích sản xuất công nghiệp lên 2.466 ha; trong đó 3 KCN đang hoạt động (tỷ lệ phủ đầy 100%), 01 KCN đang đầu tư hạ tầng (Việt Hàn), 07 KCN quy hoạch mới Hiện.

Toàn huyện hiện có 03 CCN đang hoạt động (Vân Hà, Hoàng Mai, Việt Tiến), có 02 CCN đang đầu tư hạ tầng (Tăng Tiến, Trung Sơn-Ninh Sơn), theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 tăng thêm 05 CCN so với 2021 (Nénh, Tiên Sơn, Minh Đức -Ngọc Lý, Quang Châu, Nghĩa Trung); diện tích tăng thêm 328 ha.

Toàn huyện có 1995 doanh nghiệp chiếm 15,5% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh. 77 Hợp tác xã với tổng số 848 thành viên; trong đó, 22 HTX phi nông nghiệp, 55 HTX nông nghiệp; doanh thu bình quân 01 HTX trong 09 tháng đầu năm khoảng 1 tỷ đồng, thu nhập từ 4,5-5 triệu đồng/người/tháng. Cấp mới 2.635 giấy phép đăng ký kinh doanh, chấm dứt hoạt động của 71 hộ kinh doanh; cấp lại 23 giấy phép đăng ký kinh doanh; tổng số hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn 5.867 hộ. Huyện có 06 làng nghề truyền thống, 01 làng được công nhận có nghề, một số ngành nghề truyền thống từng bước thích nghi với kinh tế thị trường, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân nông thôn như: rượu Làng Vân, mây tre đan Tăng Tiến...

- *Trồng trọt:* Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 75.879 tấn, đạt 100,7% so với NQ70, bằng 95,53% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất nông nghiệp đạt 117 triệu đồng, tăng 9 triệu đồng so với năm 2021, bằng 86,67% NQ70; bằng 86,67% NQ126. Tiếp tục duy trì trên 40 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn với diện tích 16,2ha luân canh

trồng các loại rau, củ, quả, dưa lưới, dưa lê Hàn Quốc, dưa chuột bao tử, măng tây xanh... cho thu nhập lãi khoảng từ 350 đến 400 triệu đồng/ha/năm.

Toàn huyện còn 9 vùng lúa diện tích mỗi vùng >50ha với tổng diện tích 951ha; 05 vùng rau diện tích mỗi vùng >20ha với tổng diện tích 155ha 6 vùng chăn nuôi lợn, 2 vùng chăn nuôi gà, 5 vùng chuyên thủy sản; 40 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao với diện tích 16,2ha.

- *Công tác chăn nuôi, thú y, thủy sản:*

Đàn gia súc, gia cầm hiện sinh trưởng phát triển bình thường, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tổng đàn trâu 1.122/1.125 con kế hoạch, đạt 99,73% NQ70; tổng đàn bò 16.950/16.960 con, đạt 99,94% NQ70; tổng đàn lợn 88.665/84.800 con, đạt 104,56%NQ70; Tổng đàn gia cầm 985.000/997.000 con, đạt 98,8%NQ70. Sản lượng thịt hơi các loại: 17.639/18.975 tấn kế hoạch tấn đạt 92,96% NQ70. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 1.107ha, tiếp tục duy trì 5 vùng chuyên canh thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học, tập trung ở các xã Việt Tiến, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Trung Sơn với diện tích khoảng 350ha.

- *Thủy lợi:* Xử lý vi phạm pháp luật về đê điều 18 trường hợp; 28 trường hợp vi phạm pháp luật về công trình thủy lợi; xử lý vi phạm bãi vật liệu giải tỏa triệt để được 9/13 trường hợp. Nạo vét được 192,11 km kênh mương (trong đó: 142,96 km kênh tưới; 49,15 km kênh tiêu). Chỉ đạo tổ chức nạo vét, khơi thông dòng chảy tại thượng lưu cống chắn rác trước bể hút trạm bơm Trúc Tay và thượng, hạ lưu cống Trung Đồng trên kênh tiêu chính trạm bơm Trúc Tay theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

- *Lâm nghiệp:* Tổ chức lễ phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Dần 2022 của huyện. Xảy ra 01 vụ cháy rừng tại xã Minh Đức vào ngày 04/5/2022. Thực hiện chương trình trồng 1 tỷ cây xanh, toàn huyện trồng được tổng số là: 431.226 cây các loại, đạt 102,67% kế hoạch. Tỷ lệ che phủ rừng: 6,0/3,85% đạt 155,84% NQ70.

- Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, đã công nhận 10/10 thôn NTM kiểu mẫu, đạt 100% NQ70. Chỉ đạo UBND các xã Vân Trung, Thượng Lan, Tự Lạn tập trung cao cho chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022; chỉ đạo UBND xã Hương Mai, xã Trung Sơn rà soát tiêu chí thực hiện xã Nông thôn mới nâng cao/ kiểu mẫu để thực hiện trong năm 2023.

2.2. Dân số, lao động

Việt Yên là huyện trung du nằm ở phía Tây - Nam tỉnh Bắc Giang, cách thủ đô Hà Nội 40 km về phía Bắc theo quốc lộ 1, có tổng diện tích tự nhiên 171km². Việt Yên là một trong các huyện có diện tích tự nhiên hẹp nhưng mật độ dân số lại đứng thứ ba trong toàn tỉnh với khoảng 220.000 người, phân bố ở 17 đơn vị hành chính trong đó có 2 thị trấn, 15 xã. So với các huyện khác, Việt Yên có vị trí tương đối thuận lợi, trung tâm huyện cách Thành phố Bắc Giang 12 km. Những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh, huyện Việt Yên đã có những bước phát triển toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, các hộ khá, giàu tăng nhanh, số hộ nghèo giảm.

2.3. Cơ sở hạ tầng

Thực hiện nhiệm vụ quản lý giao thông vận tải, giải tỏa các trường hợp vi phạm hành lang đường gom QL1. Tỷ lệ cứng hóa giao thông đường huyện 100%, đường trục xã 100%, đường ngõ xóm cứng hóa 96.56%, và 395,8 km đường trục chính nội đồng sạch không lầy lội. Duy tu sửa chữa, lắp đặt mới 45,1km đường điện chiếu sáng, sửa chữa 10km điện chiếu sáng tuyến đường gom QL1A. Đầu tư hệ thống chiếu sáng trục chính đô thị huyện, nâng tỷ lệ đường phố chính nội thị được chiếu sáng đạt 83%, bằng 92% NQ70, tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 67%, bằng 89% NQ70.

Thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện về việc thông qua Đề án “Hỗ trợ mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, đường ngõ trên địa bàn huyện năm 2022”; Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án “Hỗ trợ mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, đường ngõ trên địa bàn huyện năm 2022”. Toàn huyện có 385 công trình đáp ứng tiêu chuẩn, với tổng chiều dài 131,791km, chiều dài đường trục thôn: 22,083km, chiều dài đường ngõ xóm: 89,708km đáp ứng các tiêu chí của Đề án, tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ là 83,303 tỷ đồng.

Giáo dục: Toàn huyện có 72 trường (*gồm 28 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 19 trường trung học cơ sở, 4 trường phổ thông trung học, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên và 01 trường đại học*)

Y tế: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm soát tình hình dịch bệnh Covid-19. Quan tâm công tác khám, điều trị bệnh cho nhân dân trên địa bàn; công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác tiêm chủng. Xây dựng đề án hiện đại hóa y tế cấp xã, bố trí kinh phí thực hiện đầu tư cải tạo một số công trình y tế trên địa bàn.

+ Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác tiêm vacxin phòng Covid-19 mũi 3 cho người trên 18 tuổi và tiêm vac xin Covid-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi trên địa bàn huyện Việt Yên. 17/17 xã, thị trấn thực hiện tốt an toàn trong tiêm chủng, không để xảy ra tai biến. Tiêm chủng đầy đủ vac xin cho trẻ em dưới 1 tuổi được 2.258/3.826 trẻ đạt 59% kế hoạch năm; tiêm phòng uốn ván mũi 2 cho phụ nữ có thai là 2.672/4.311 đạt 62% kế hoạch năm. Tiếp tục triển khai làm sạch dữ liệu trên phần mềm tiêm chủng: Lũy kế số đối tượng đã được điều chỉnh thông tin tính đến hết ngày 12/9/2022: 86.894 người; Số đối tượng còn lại sai thông tin (*kết xuất từ phần mềm tiêm chủng*): 32.601 người.

+ Công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh và công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình; công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về y tế được chỉ đạo quyết liệt. Qua kiểm tra 393 cơ sở y, dược ngoài công lập, kết quả đình chỉ hoạt động 20 cơ sở, lập biên bản ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính 21 cơ sở, tổng số tiền 141.000.000 đồng.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường và các vấn đề môi trường

1.1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường

* Hiện trạng và biến động diện tích đất, nước mặt, độ che phủ rừng như sau:
Tổng diện tích tự nhiên của huyện Việt Yên là 17.011,3 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp là 10.771,2 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 6.254,6 ha.
- Đất đô thị là 1.173,0 ha.
- Đất chưa sử dụng là 75,5 ha.

* Tình hình ô nhiễm nguồn nước mặt; ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật

- Tình hình ô nhiễm nguồn nước mặt: Chất lượng nước mặt tại sông Cầu và một số kênh tiêu thoát nước tiếp nhận nước thải của các KCN (*Kênh T6, kênh tiêu chính cống Bún*) có xu hướng ô nhiễm bởi các chất hữu cơ và vi sinh vật.

- Ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật: Chưa có dấu hiệu ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.

1.2. Các vấn đề môi trường chính:

- Một số doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật BVMT, xử lý chất thải chưa đạt quy chuẩn cho phép.

- Một số doanh nghiệp còn thải nước thải chưa đạt quy chuẩn hiện hành ra môi trường.

- Một số doanh nghiệp nâng công suất (*lắp đặt máy móc, thiết bị*) nhưng chưa hoàn thiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định.

- Ý thức của một số người dân còn hạn chế, tình trạng vứt rác thải, xác động vật chết ra kênh, mương, sông, đường giao thông gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường còn diễn ra.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường

Từ đầu năm đến nay UBND huyện Việt Yên đã ban hành 16 văn bản chỉ đạo liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường (*Trong đó: 01 Phương án 02, Kế hoạch và 13 công văn*). Bên cạnh đó chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn đã ban hành nhiều văn bản triển khai, thực hiện các nhiệm vụ sát với tình hình thực tế của mỗi địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Ủy ban MTTQ huyện phát động phong trào xây dựng khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường; phát triển 196 mô hình "*Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường*", *Khu dân cư xanh, sạch đẹp, an toàn*"; triển khai ký cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường tới từng hộ gia đình. Đến nay 134/134 thôn, tổ dân phố đã rà soát xây dựng bổ sung hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường. 133/134 thôn, tổ dân phố thành lập các tổ vệ sinh môi trường và duy trì hiệu quả.

2.2. Cơ cấu tổ chức và nguồn lực bảo vệ môi trường

- Ở huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị tham mưu cho UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường. Hiện tại đồng chí trưởng phòng phụ trách trực tiếp lĩnh vực môi trường và 02 công chức được giao tham mưu lĩnh vực môi trường.

- Ở xã, thị trấn: Do công chức Địa chính - Xây dựng tham mưu đảm nhiệm.

2.3. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường

- Công tác tuyên truyền:

+ Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đã biên tập phát 285 lượt tin về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về huy động toàn dân tập trung thu gom xử lý triệt để rác thải ra môi trường; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường và Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tiếp tục triển khai Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 08/4/2022 thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025*”. Nổi bật triển khai mô hình biển rác thải thành phương tiện sinh kế, quà tặng cho HVPN nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả đã thu được 357kg rác thải tái chế và bán được số tiền là 13,2 triệu đồng đã mua 02 con lợn tặng cho 02 Hội viên phụ nữ nghèo làm phương tiện sinh kế và mua 250kg gạo tặng giáp hạt cho 11 hội viên phụ nữ. Tổ chức 02 hội nghị “*Tuyên truyền, vận động hướng dẫn HVPN thực hiện thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định trên địa bàn giai đoạn 2021-2025*” tại 02 xã Thượng Lan và Tụ Lạn với sự tham gia của 240 hội viên, phụ nữ. Đồng thời trang bị 10 chiếc thùng đựng rác cho 4 tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Thượng Lan và Tụ Lạn với tổng kinh phí 4 triệu đồng. Hội liên hiệp Phụ Nữ xã Tụ Lạn, Hồng Thái tổ chức ra mắt 03 mô hình điểm “*Tuyên truyền, vận động hướng dẫn hội viên phụ nữ xã thực hiện thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định*” với sự tham gia của 270 hội viên phụ nữ tham dự và đã tặng 115 chiếc chổi, 130 chiếc xô để chị em thực hiện mô hình với trị giá 7.2 triệu đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Trong năm, UBND huyện đã phối hợp với Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên nước, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Phòng Cảnh sát môi trường công an Tỉnh Bắc Giang thực hiện thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện cụ thể:

+ Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án;

Kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo ĐTM; Kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trong đề án BVMT chi tiết của dự án, xem xét chấp thuận môi trường đối với các dự án trong KCN.

+ Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiến hành kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường đối với 04 đơn vị. Tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với 02 đơn vị. Tổng số tiền là 115 triệu đồng.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Trong năm 2022 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra việc chấp hành Luật bảo vệ môi trường đối với 08 doanh nghiệp. Chủ tịch UBND huyện Việt Yên đã ban hành Quyết định xử lý 02 trường vi phạm về hành vi tiếp nhận 10.240 kg chất thải công nghiệp thông thường không có biện pháp xử lý theo quy định với tổng số tiền 50.000.000 đồng.

- Năm 2022 UBND huyện cấp giấy phép môi trường cho 07 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

a) Các nguồn thải phát sinh

- Chất thải từ hoạt động công nghiệp:

+ Nước thải phát sinh tại các KCN, CNN khoảng 22.720 m³/ngày đêm, trong đó: KCN Đình Trám: 800 m³/ngày; KCN Quang Châu: 12.500 m³/ngày; KCN Vân Trung (*Phần do Công ty TNHH Fugiang làm chủ đầu tư*) Lượng nước thải phát sinh khoảng 7.500 m³/ngày; KCN Vân Trung (*Phần do Công ty Cổ phần S&G làm chủ đầu tư*): Lượng nước thải phát sinh khoảng 1.700 m³/ngày; KCN Việt Hàn chưa hoạt động; Cụm công nghiệp Hoàng Mai 20 m³/ngày; Cụm công nghiệp Việt Tiến 200 m³/ngày.

+ Tổng lượng chất thải rắn (*sinh hoạt, công nghiệp thông thường*) phát sinh khoảng: 289,411 tấn/ngày.

+ Tổng lượng chất thải nguy hại khoảng: 26,35 tấn/ngày.

- Chất thải từ hoạt động các làng nghề: Trên địa bàn huyện có 07 làng nghề được công nhận theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang, 07/07 làng nghề đã có phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt (*Làng nghề mây tre đan thôn Chùa; làng nghề mây tre đan thôn Bẩy; làng nghề mây tre đan thôn Chằm; làng nghề mây tre đan thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến; làng nghề nấu rượu thôn Yên Viên; làng nghề bánh đa nem thôn Thổ Hà và làng nghề vận tải đường sông thôn Nguyệt Đức, xã Vân Hà*).

+ Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của làng nghề là 635,58 m³/ngày (*trong đó: Làng Yên Viên, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nấu rượu) là 305,68 m³/ngày; Làng Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên (bánh đa nem) 301,4 m³/ngày; Làng nghề mây tre đan thôn Chùa; làng nghề mây tre đan thôn Bẩy; làng nghề mây tre đan thôn Chằm; làng nghề mây tre đan thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến tổng phát sinh khoảng 37,5 m³/ngày*).

+ Tổng lượng chất thải rắn (*sinh hoạt, công nghiệp thông thường*) phát sinh khoảng: 3.462 tấn/ngày (*trong đó: thôn Bẩy, xã Tăng Tiến: 1155 kg/ngày; thôn*

Chùa, xã Tăng Tiến: 802 kg/ngày; thôn Chằm, xã Tăng Tiến: 226 kg/ngày; thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến: 1279 kg/ngày).

- Chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt: Qua điều tra cho thấy tổng lượng nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện khoảng 22.967 m³/ngày.đêm, chất thải sinh hoạt khoảng 120,591 tấn/ngày. Các khu dân cư tập trung đều là khu dân cư cũ, một số khu dân cư mới được đầu tư hạ tầng đồng bộ tạo diện mạo mới cho huyện. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt tại một số khu dân cư cũ không đạt yêu cầu, ách tắc dòng chảy do không được nạo vét thường xuyên. Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các khu dân cư được thu gom và đưa đi xử lý tại các bãi chôn lấp chất thải tập trung hoặc lò đốt chất thải tập trung của huyện. Các thôn, xóm, khu phố đều có tổ đội thu gom rác hoặc giao cho một đơn vị trung gian vận chuyển. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bình quân: Khoảng 116.03 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải trung bình tại khu vực thị trấn là 100% và khu vực nông thôn là 92,4%.

- Chất thải nông nghiệp: Kết quả điều tra cho thấy, tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ phát sinh hằng năm khoảng 3.652,5 tấn. Phụ phẩm phát sinh trong nông nghiệp đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt, thức ăn gia súc, phần còn lại vận chuyển về điểm thu gom của thôn để vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện cũng như lò đốt rác của xã xử lý. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng một lượng lớn phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường đất. Theo kết quả điều tra, tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng khoảng 1.290 tấn/năm, hóa chất bảo vệ thực vật khoảng 37,7 tấn/năm.

- Chất thải chăn nuôi: Lượng nước thải phát sinh trung bình của mỗi hộ chăn nuôi khoảng từ 0,5 - 40 m³/ngày tùy thuộc vào hình thức và quy mô chăn nuôi. Các hộ chăn nuôi tập trung quy mô vừa và nhỏ dao động trong khoảng từ 10 đến dưới 400 con gia súc, phát sinh khoảng 5 m³ nước thải/ngày/hộ; các hộ chăn nuôi quy mô trung bình và lớn phát sinh 10 - 40 m³ nước thải/ngày/hộ, tập trung chủ yếu ở các xã: Tụ Lạn, Hương Mai, Hồng Thái... Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung đều có công trình hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, tuy nhiên do thể tích không đảm bảo, việc thu gom chất thải không thường xuyên dẫn đến hiệu quả công trình hầm biogas nhiều hộ chăn nuôi không được tốt. 100% các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung có hầm biogas.

- Từ cơ sở y tế: Trên địa bàn huyện có 17 trạm y tế và 64 phòng khám (trong đó có 7 phòng khám đa khoa và 57 phòng khám chuyên khoa) với số giường bệnh 275 .

b) Tình hình phát sinh chất thải

- Nước thải phát sinh chủ yếu từ nước thải sinh hoạt, các cơ sở sản xuất công nghiệp, chăn nuôi, cơ sở y tế:

+ Nước thải sinh hoạt: 22.967 m³/ngày.

+ Nước thải sinh hoạt từ cơ sở công nghiệp: 22.720 m³/ngày.

+ Nước thải y tế: 75 m³/ngày.

+ Nước thải chăn nuôi: 1.457 m³/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế, chất thải chăn nuôi.

+ Rác thải sinh hoạt: khoảng 120,591 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: khoảng 168,82 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn y tế phát sinh: khoảng 0.345 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn chăn nuôi: 4.800 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện chủ yếu là những chất thải sau: Dẻ lau dính dầu, mực in thải, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, dầu thải, chất thải nguy hại y tế...tải lượng phát sinh khoảng 0.053 tấn/ngày.

- Khí thải phát sinh chủ yếu từ cơ sở sản xuất công nghiệp, từ cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong khu dân cư, từ hoạt động giao thông vận tải...

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

c) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác

- UBND huyện ban Kế hoạch số 132/KH- UBND số ngày 13/5/2022 về phát động “Chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường 100 ngày từ 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022”. Ngày 29/9/2022 UBND huyện tổ chức hội nghị tổng kết “Chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường 100 ngày trên địa bàn huyện từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022”. Tổ chức vệ sinh đường làng, ngõ xóm, giải tỏa các điểm rác tồn lưu, khơi thông cống rãnh... Kết quả qua các đợt ra quân đã thu hút được 27.790 người tham gia; Khởi thông khoảng 31km cống rãnh, thu gom được 620 tấn rác. Trong đó vận chuyển về lò đốt rác của xã: Ninh Sơn 20 tấn, Việt Tiến 80 tấn; xã Trung Sơn tự vận chuyển rác thải trên kênh T3 về Bãi rác của huyện gần 18 tấn và HTX môi trường Việt Yên vận chuyển khoảng gần 500 tấn về bãi rác của huyện xử lý; số rác còn lại cơ bản đất đá, cây đại được các địa phương xử lý tại chỗ. Qua đợt chiến dịch cao điểm UBND huyện ban hành Quyết định số 5599 /QĐ-UBND ngày 30/9/2022 Về việc khen thưởng trong thực hiện Chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường 100 ngày từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022 trên địa bàn huyện Tặng Giấy khen kèm theo tiền thưởng cho 13 tập thể, 11 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường 100 ngày từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022 trên địa bàn huyện.

- Quản lý và xử lý chất thải nông nghiệp: Mở rộng quy mô và tăng cường hiệu quả việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các khu sản xuất nông nghiệp, 17/17 xã đã bố trí điểm tập kết vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật tại các khu vực sản xuất nông nghiệp (430 bể chứa), gồm: Quanh Minh, Tiên Sơn, Hương Mai, Tự Lạn.... UBND các xã, thị trấn hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên: UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện Luật Đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt các giống loài và nguồn gen; triển khai thực hiện có kết quả kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý an

toàn sinh học trên địa bàn. Vườn cò Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang được bảo tồn chặt chẽ, phát huy tính đa dạng sinh học và giá trị văn hóa - lịch sử.

- Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường và truyền thông môi trường: Đã tập trung chỉ đạo việc đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ môi trường. UBND huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với hội Liên hiệp phụ nữ huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức các hội nghị tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường và hoạt động xã hội bảo vệ môi trường, bố trí 250 băng zôn và 1200 lượt áp phích tuyên truyền tại trụ sở các cơ quan, đơn vị và nơi tập trung đông dân cư. Tổ chức các hoạt động: "Ngày môi trường thế giới"; "Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn" và "Phát động ngày chủ nhật xanh".

- Tuyên truyền và ứng phó biến đổi khí hậu: Đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Hàng năm UBND huyện đều ban hành kế hoạch phương án ứng phó với thiên tai, bão, lụt. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn chủ động chuẩn bị phương tiện, thiết bị phòng chống lụt bão, bảo vệ đê điều. Thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu và dự báo thiên tai. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về ứng phó với biến đổi khí hậu cho 100% cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống lụt bão.

đ) Đánh giá chung

** Về kết quả đạt được*

- Chú trọng phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất công nghiệp; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp. Cụ thể:

Công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm đã được đẩy mạnh, chủ động kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc ý kiến kiến nghị của nhân dân, công tác hậu kiểm tra được trú trọng hơn, tập trung vào các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở có nguồn thải lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp đã được quan tâm thực hiện cụ thể:

+ Khu công nghiệp Đình Trám: Đã đưa vào vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung đơn nguyên 1 với công suất là 2.000 m³/ngày đêm đi vào hoạt động đáp ứng được với lượng nước thải phát sinh khoảng 800 m³/ngày đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

+ KCN Quang Châu 19.000 m³/ngày đêm. Lượng nước thải phát sinh hiện tại khoảng 12.500 m³/ngày đêm và được xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

+ KCN Vân Trung: KCN Vân Trung 1 (do công ty FuGiang làm chủ đầu tư) có công suất là 10.000 m³/ngày đêm, hiện đang tiếp nhận nước thải khoảng 7.500 m³/ngày đêm; KCN Vân Trung 2 (do Công ty S&G) làm chủ đầu tư có công suất thiết kế là 4000 m³/ngày đêm, hiện đang tiếp nhận khoảng 1.700 m³/ngày đêm

+ Cụm làng nghề Vân Hà: Đã đầu tư xây dựng trạm XLNT 1.500 m³/ngày đêm.

+ Đến nay cả 02/02 cụm công nghiệp trên đều xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung: Cụm công nghiệp Hoàng Mai đã xây dựng và đưa vào hoạt động trạm xử lý nước thải công suất 650m³/ngày đêm; Cụm công nghiệp Việt Tiến đã xây dựng và đưa vào hoạt động trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720m³/ngày đêm.

Khí thải từ các nhà sản xuất đã được kiểm soát chặt chẽ hơn, các doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư hệ thống thu gom, xử lý khí thải theo quy định.

- Tập trung giải quyết tốt vấn đề thu gom, xử lý rác thải, nước thải khu vực nông thôn đã đạt được kết quả cụ thể:

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị 100% ; Tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 100% ; Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn thu gom 92,4% ; Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn thu gom được xử lý hợp vệ sinh 100%.

- Việc quản chất thải trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi được quan tâm thực hiện. Công tác thu gom vỏ bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng bước đầu đã triển khai và thực hiện. Hầu hết các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm đã quan tâm áp dụng các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi.

- Công tác kiểm soát chất thải từ các làng nghề đã được triển khai, rà soát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh và yêu cầu ký cam kết bảo vệ môi trường hiện nay có 7/7 làng nghề lập phương án bảo vệ môi trường đã được UBND huyện phê duyệt; Làng nghề Vân Hà và làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh (*Nay là TDP Phúc Lâm, thị trấn Nénh*) ra khỏi Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

** Tồn tại, hạn chế*

Một số doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về BVMT, xử lý chất thải chưa đạt quy chuẩn cho phép, không thực hiện đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch bảo vệ môi trường đã đưa dự án đi vào hoạt động. Một số doanh nghiệp khi đầu tư vào khu công nghiệp chưa thực hiện đúng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Ý thức về bảo vệ môi trường của một bộ phận doanh nghiệp và người dân chưa được chuyển biến thành ý thức tự giác thực hiện, còn tình trạng đổ chất thải công nghiệp trên tuyến đường gom KCN, đường tỉnh lộ còn diễn ra.

*** Nguyên nhân của những hạn chế**

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân và các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc chấp hành chính sách pháp luật về Bảo vệ môi trường có phần còn hạn chế.

- Sự quan tâm của một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở trong công tác bảo vệ môi trường còn chưa thường xuyên, thường chỉ quan tâm khi có sự vụ phát sinh; trong chỉ đạo điều hành mới quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh tế, chưa quan tâm đến phát triển bền vững.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn; hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường cấp xã, thị trấn.

3. Phương hướng và giải pháp

a) Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch số 35-KH/HU ngày 22/6/2021 về thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Chỉ đạo UBND các xã nông thôn mới đầu tư thực hiện tốt tiêu chí về môi trường trong Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới; gắn bảo vệ môi trường với xây dựng khu dân cư tiên tiến về văn hóa, theo mô hình tự quản và phong trào xanh - sạch - đẹp. Phối hợp với UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội duy trì thường xuyên các hoạt động "Ngày chủ nhật xanh", đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác vệ sinh môi trường.

- Tập trung giải quyết tốt vấn đề thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trên địa bàn. Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn các xã, thị trấn, thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển rác thải về khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung; không để tồn lưu rác thải quá thời gian theo quy định tại các điểm tập kết, chôn chuyễn.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh thương mại hoạt động ngoài cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

b) Các giải pháp chính

❖ Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường địa phương làm cơ sở quản lý và đề xuất các biện pháp xử lý môi trường phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường.

- Xây dựng báo cáo, đánh giá môi trường chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thúc đẩy việc hoàn thành việc triển khai các dự án, đề án, kế hoạch xử lý và bảo vệ môi trường hàng năm theo ngân sách được duyệt.

❖ Quản lý chất thải

- Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, chôn lấp chất thải thông thường, vận hành hoạt động các bãi rác chôn lấp chất thải hợp vệ sinh, hỗ trợ phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải.

- Tập trung thực hiện tốt việc thu gom rác thải tại các khu dân cư, khu cụm công nghiệp, tạo cảnh quan môi trường, đảm bảo nâng cao tiêu chí huyện nông thôn mới.

❖ **Bảo tồn đa dạng sinh học**

- Nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật đa dạng sinh học đến các xã, thị trấn.

- Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

❖ **Tăng cường năng lực quản lý môi trường**

- Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ môi trường các cấp.

- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường.

- Hỗ trợ hoạt động BVMT của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp.

❖ **Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành và giải quyết vấn đề môi trường bức xúc. Phát triển phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, nhân rộng các mô hình từ quản về bảo vệ môi trường. Tạo điều kiện và có cơ chế để phát huy vai trò giám sát của MTTQ, các tổ chức chính trị, xã hội, phương tiện truyền thông và nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường.

III. SỐ LIỆU VỀ BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG

Số liệu báo cáo về môi trường được thu thập trên địa bàn theo Bảng tổng hợp đính kèm./.

Nơi nhận:

- Sở TNMT (b/c);
- Thường trực Huyện ủy-HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Bách

Phụ lục I.
Các nguồn ô nhiễm

Bảng 1. Danh mục các đô thị trên địa bàn xã/thị trấn thuộc huyện

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số (người/km ²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3	...							

Bảng 2. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong CCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	CCN Hoàng Mai		17,4	Công ty Nam Á (TNHH)	09	70	Có	20	650	TSS, PH, NH ₄ , COD, nhiệt độ	1-1,5	1.000	97		
2	CCN Việt Tiên	Xã Việt Tiên	8,26	Công ty TNHH Minh Hoàng Long	12	90	Có	200	720		70	2.000	150-200		

1	làng nghề nấu rượu thôn Yên Viên	Thôn Yên Viên, xã Vân Hà	Có	có	có	có	có	0/0	0/0	0/0	không
2	làng nghề bánh đá nem thôn Thổ Hà	THôn Thổ Hà, xã Vân Hà	Có	có	có	có	có	0/0	0/0	0/0	không
	Làng nghề vận tải đường sông thôn Nguyệt Đức, xã Vân Hà	Thôn Nguyệt Đức, xã Vân Hà	Có	có	có	có	có	0/0	0/0	0/0	không

Phụ lục II.
Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày.....tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Việt Yên)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính <i>(chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)</i>	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động <i>(Đang hoạt động/đã đóng cửa..)</i>	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu xử lý rác thải hợp vệ sinh huyện Việt Yên	TDP số III, TT Bích Động	Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 12/7/2018	Đốt, chôn lấp	1-1,5 tấn	Đang hoạt động	
2	Khu xử lý rác xã Thượng Lan	Thôn Hà Thượng, thôn Thượng, xã Thượng lan	Đang hoàn thiện thủ tục	Đốt		Đang hoạt động	
3	Khu xử lý rác xã Ninh Sơn	Thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn	-	Đốt		Đang hoạt động	
4	Khu xử lý xã Việt Tiến	Thôn 3, Việt Tiến	-	Đốt		Đang hoạt động	

Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính <i>(chôn lấp, đốt, công nghệ khác..)</i>	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTCRNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTCRNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu xử lý rác thải hợp vệ sinh huyện Việt Yên	TDP số III, thị trấn Bích Động	HTX môi trường Hồng Thái	Đốt	CTRSH: 0.5 tấn/giờ	
2	Khu xử lý rác xã Thượng Lan	Thôn Hà Thượng, thôn Thượng, xã Thượng lan	UBND xã Thượng Lan	Đốt	CTRSH: 0.5 tấn/giờ	
3	Khu xử lý rác xã Ninh Sơn	Thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn.	UBND xã Ninh Sơn	Đốt	CTRSH: 0.5 tấn/giờ	
4	Khu xử lý xã Việt Tiến	Thôn Núi, Việt Tiến	UBND xã Việt Tiến	Đốt	CTRSH: 0.5 tấn/giờ	

Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
...					

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Tên xã, thị trấn	Khối lượng phát sinh (Tấn/ngày)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/ngày)	Khối lượng xử lý (Tấn/ngày)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thị trấn Bích Động	13,083	13,083	13,083	0	
2	Thị trấn Nénh	17,272	17,272	17,272	0	
3	Xã Hồng Thái	7,418	7,27	7,27	0	
4	Xã Tăng Tiến	8,306	8,14	8,14	0	
5	Xã Quảng Minh	4,373	4,15	4,15	0	
6	Xã Ninh Sơn	3,721	3,35	3,35	0	
7	Xã Vân Trung	6,857	6,72	6,72	0	
8	Xã Quang Châu	10,616	10,515	10,515	0	
9	Xã Tụ Lạn	4.558	4,33	4,33	0	
10	Xã Tiên Sơn	5.097	4,74	4,74	0	
11	Xã Vân Hà	3,131	2,91	2,91	0	
12	Xã Trung Sơn	4,428	3,99	3,99	0	
13	Xã Thượng Lan	3,978	3,90	3,90	0	
14	Xã Việt Tiến	8,454	8,28	8,28	0	
15	Xã Nghĩa Trung	4,991	4,74	4,74	0	
16	Xã Minh Đức	9,545	8,21	8,21	0	
17	Xã Hương Mai	4,763	4,43	4,43	0	
	Tổng	120,591	116,03	116,03	0	

Phụ lục III.**Thông kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn**

(Kèm theo Báo cáo số: /BCUBND ngày tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Việt Yên)

STT	Tên xã, thị trấn	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thị trấn Bích Động	1.415,36	0	1.415,36
2	Thị trấn Nénh	2.636,88	0	2.636,88
3	Xã Hồng Thái	921,52	0	921,52
4	Xã Tăng Tiến	9.295,2	0	9.295,2
5	Xã Quảng Minh	887,44	0	887,44
6	Xã Ninh Sơn	173,44	0	173,44
7	Xã Vân Trung	2.224	0	2.224
8	Xã Quang Châu	2.240	0	2.240
9	Xã Tự Lạn	688	0	688
10	Xã Tiên Sơn	973,52	0	973,52
11	Xã Vân Hà	668,56	668,56	668,56
12	Xã Trung Sơn	1.064	0	1.064
13	Xã Thượng Lan	770,96	0	770,96
14	Xã Việt Tiến	988,96	0	988,96
15	Xã Nghĩa Trung	933,6	0	933,6
16	Xã Minh Đức	1.229,44	0	1.229,44
17	Xã Hương Mai	914	0	914
	Tổng	22.967,04	668,56	22.967,04

Phụ lục IV.**Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý trong năm 2022***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của UBND huyện)*

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (đồng)	Các vi phạm chính	Ghi chú
1	Hộ ông Khương Văn Nghiệp	Thôn Đầu, Tự Lạn	17.500.000	Thực hiện tiếp nhận chất thải công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.	
2	Hộ ông Chu Văn Báo	Thôn Đầu, Tự Lạn	32.500.000	Thực hiện tiếp nhận chất thải công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.	
Tổng			50.000.000		

Phụ lục V.
Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của UBND huyện)

TT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tên Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhà ở riêng lẻ hộ ông Trần Trọng Tùng tại thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	Kinh doanh khách sạn	thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	1099/QĐ-UBND	UBND huyện	20/5/2022	
2	Nhà máy Boruikate Tools Việt Nam	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng, chi tiết: Sản xuất, gia công, sửa chữa dụng cụ dao kim cương	Một phần lô K (K1-3) (Thuê lại một phần nhà xưởng của Công ty TNHH Great Union Internationnal Việt Nam), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	1471/QĐ-UBND	UBND huyện	27/7/2022	
3	Nhà máy GM-Tech Vina	Sản xuất, gia công đồ gá JIG bằng kim loại và bằng nhựa dùng cho điện thoại di động; Sản xuất máy kiểm tra vỏ bao điện thoại di động, thiết bị linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị tự động hóa	Một phần Lô B9, B11 (thuê nhà xưởng của công ty Cổ phần Nam Sơn), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1528/QĐ-UBND	UBND huyện	08/5/2022	

4	Dự án nhà máy sản xuất IIsung Electric Vina	Kiểm tra, làm sạch bề mặt khuôn JIG và các linh kiện điện tử	Lô B9, B11 (thuê nhà xưởng của công ty Cổ phần Nam Sơn), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1468/QĐ-UBND	UBND huyện	26/7/2022	
5	Dự án điện tử JianRong Việt Nam	Sản xuất khuôn mẫu và phụ tùng khuôn mẫu bằng nhựa; Sản xuất khuôn mẫu và phụ tùng khuôn mẫu chính xác bằng kim loại	Một phần lô CN 10, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam (Mua nhà xưởng của công ty TNHH Fuhua, thuê lại đất của công ty TNHH FuGiang)	1461/QĐ-UBND	UBND huyện	21/7/2022	
6	Nhà máy Dong Myeong Bắc Giang	gia công vỏ, khung, khuôn và các bộ phận bằng plastic dùng cho điện thoại di động, thiết bị đeo tay thông minh, máy tính bảng, ti vi thông minh	Lô CN-10-06, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	1671/QĐ-UBND	UBND huyện	13/9/2022	
7	Nhà máy công nghệ ShinHe - CCN Việt Tiến	Sản xuất gia công các loại phim nhựa, màng nhựa, bao bì nhựa, các loại bao bì nhựa tổng hợp; Gia công, lắp ráp cuộn cảm, tụ điện, điện trở, đi ốt, bóng bán dẫn và các vật liệu khác	Cụm công nghiệp Việt Tiến, huyện Việt Yên	1670/QĐ-UBND	UBND huyện	13/9/2022	